

BÁO CÁO

Công khai dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026 trình HĐND xã

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước; Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

UBND xã Hải Hậu công khai số liệu dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026 trình HĐND xã; công khai thuyết minh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026 trình HĐND xã theo quy định tại khoản 1, Điều 15 Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính như sau:

A. DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

I. Tổng thu NSNN trên địa bàn: 335.450 triệu đồng, bằng dự toán UBND tỉnh giao.

1. Thu cân đối NSNN trên địa bàn: 335.450 triệu đồng, bằng dự toán UBND tỉnh giao.

a, Thu nội địa không gồm tiền sử dụng đất, thu xỏ số kiến thiết là 45.450 triệu đồng, bằng 97,8% so với ước thực hiện năm 2025. Trong đó:

- Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý: 680 triệu đồng, bằng 48,4% so với ước thực hiện năm 2025.

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 16.740 triệu đồng, bằng 83,9% so với ước thực hiện năm 2025.

- Thu thuế thu nhập cá nhân: 10.100 triệu đồng, bằng 99,7% so với ước thực hiện năm 2025.

- Thu Lệ phí trước bạ: 10.900 triệu đồng, bằng 105,3% so với ước thực hiện năm 2025.

- Thu từ phí, lệ phí: 400 triệu đồng, bằng 49,9% so với ước thực hiện năm 2025.

- Thu từ thuế sử dụng đất PNN: 320 triệu đồng, bằng 153,1% so với ước thực hiện năm 2025.

- Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước: 1.520 triệu đồng, bằng 118,75% so với ước thực hiện năm 2025.

- Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác: 240 triệu đồng, bằng 240% so với ước thực hiện năm 2025.

- Các khoản thu khác ngân sách: 4.550 triệu đồng, bằng 199,6% so với ước thực hiện năm 2025.
 b, Thu tiền sử dụng đất là 290.000 triệu đồng, bằng 153% so với ước thực hiện năm 2025.

II. Số thu ngân sách địa phương được hưởng: 92.294 triệu đồng, bao gồm:

- Thu NSDP được hưởng theo phân cấp là 89.294 triệu đồng (Trong đó các khoản thu chia giữa NSTW và NSDP là 85.092 triệu đồng, các khoản thu NSDP hưởng 100% là 4.202 triệu đồng).

- Thu bổ sung có mục tiêu là 3.000 triệu đồng.

B. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026

I. Nguyên tắc phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương 2026

- Căn cứ nhiệm vụ chính trị, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của từng cơ quan, đơn vị. Xây dựng dự toán chi thường xuyên theo từng lĩnh vực, đảm bảo đúng chính sách, chế độ, định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương.

- Các cơ quan, đơn vị lập dự toán chi thường xuyên đúng tính chất nguồn kinh phí, triệt để tiết kiệm. Dự toán chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản phải căn cứ quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định; chi bảo đảm tăng chi cho các chính sách chế độ, đã được cấp có thẩm quyền ban hành và các nhiệm vụ cấp bách sẽ phát sinh năm 2026 cần phải bố trí kinh phí. Trong đó các khoản chi tiền lương, các khoản phụ cấp tính theo lương theo mức lương tối thiểu 2,34 triệu đồng/tháng. Bảo đảm bố trí chi ngân sách cho các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, khoa học công nghệ theo quy định.

II. CÂN ĐỐI NGUỒN THU, DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ

1. Nguồn thu ngân sách cấp xã là 316.536 triệu đồng, gồm:

- Thu ngân sách cấp xã được hưởng theo phân cấp là 89.294 triệu đồng, bằng 189% so với dự toán HĐND xã giao năm 2025.

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên là 227.242 triệu đồng, trong đó số bổ sung có mục tiêu là 3.000 triệu đồng.

2. Dự toán chi ngân sách cấp xã là 316.536 triệu đồng, bằng 189% dự toán HĐND xã giao năm 2025, gồm:

2.1. Chi cân đối ngân sách cấp xã là 313.536 triệu đồng, bằng 619% so với dự toán HĐND xã giao năm 2025, trong đó:

2.1.1. Chi đầu tư phát triển là 69.440 triệu đồng, bằng 2.968% so với dự toán năm 2025, gồm:

- Từ nguồn vốn đầu tư XD CB tập trung là 11.640 triệu đồng.

- Chi đầu tư XD CB từ nguồn thu tiền sử dụng đất là 57.800 triệu đồng.

2.1.2. Chi thường xuyên ngân sách cấp xã năm 2026.

Căn cứ vào tiêu chuẩn, định mức và các chế độ chính sách hiện hành, các chương trình, kế hoạch được Đảng ủy, HĐND xã, UBND xã phê duyệt, đồng thời đảm bảo kinh phí chi lương, phụ cấp, các khoản có tính chất tiền lương và các khoản đóng góp theo lương trên mức lương tối thiểu 2,34 triệu đồng/tháng, dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp xã năm 2026 là 237.676 triệu đồng, bằng 502% so với dự toán HĐND xã giao năm 2025, trong đó:

- Chi sự nghiệp kinh tế là 7.434 triệu đồng;
- Chi sự nghiệp môi trường là 6.183 triệu đồng;
- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề là 135.760 triệu đồng;
- Chi sự nghiệp y tế là 7.702,873 triệu đồng;
- Sự nghiệp Khoa học, ĐMST và chuyển đổi số là 700 triệu đồng.
- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin là 2.869,843 triệu đồng;
- Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình là 1.927,262 triệu đồng.
- Chi sự nghiệp thể dục thể thao là 660,895 triệu đồng.
- Chi đảm bảo xã hội là 32.774,8 triệu đồng;
- Chi quản lý hành chính là 34.693,308 triệu đồng;
- Chi an ninh, trật tự, an toàn xã hội là 3.787 triệu đồng.
- Chi quốc phòng là 2.001,019 triệu đồng.
- Chi khác ngân sách là 1.182 triệu đồng.

2.1.2. Dự phòng ngân sách xã là 6.420 triệu đồng.

2.2. Ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu: **3.000 triệu** đồng, gồm:

- Vốn sự nghiệp: 3.000 triệu đồng.

Ủy ban nhân dân xã công bố công khai để các cơ quan, đơn vị biết theo dõi, chỉ đạo và thực hiện././

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Đảng ủy;
- Hội đồng nhân dân xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Công TT-ĐT xã;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Vũ Văn Kỳ



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: triệu đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	316.536	TỔNG SỐ CHI	316.536
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	4.202	I. Chi đầu tư phát triển	69.440
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	85.092	II. Chi thường xuyên	240.676
III. Thu bổ sung	227.242	III. Dự phòng	6.420
- Bổ sung cân đối	224.242		
- Bổ sung có mục tiêu	3.000		
IV. Thu chuyển nguồn			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã



Biểu số 104/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2025		DỰ TOÁN NĂM 2026		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	529.695	311.470	562.692	316.536		
I	Các khoản thu 100%	13.750	2.991	16.410	4.202	119%	140%
1	Phí, lệ phí	802	270	400	400	50%	148%
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	100	100	240	240	240%	240%
3	Lệ phí trước bạ nhà, đất	10.347	2.055	10.900	2.940	105%	143%
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	209	144	320	322	153%	224%
5	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
6	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
7	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
8	Đóng góp của nhân dân theo quy định	12	12				
9	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
10	Thu khác	2.280	410	4.550	300	200%	73%
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	221.776	14.310	319.040	85.092	144%	595%
	<i>Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định</i>	<i>221.776</i>	<i>14.310</i>	<i>319.040</i>	<i>85.092</i>	<i>144%</i>	<i>595%</i>

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2025		DỰ TOÁN NĂM 2026		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
1	- Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	1.405		680		48%	
2	- Thu thuế thu nhập cá nhân	10.144	6.134	10.100	9.800	100%	160%
3	- Thu Thuế GTGT, TNDN ngoài QD	19.963	2.308	16.740	16.740	84%	725%
4	- Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	1.280	479	1.520	752	119%	157%
5	- Thu tiền sử dụng đất	188.980	5.389	290.000	57.800	153%	1073%
6	- Tiền thu cấp quyền khai thác khoáng sản	4					
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn	8.107	8.107				
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	286.062	286.062	227.242	227.242	79%	79%
1	- Thu bổ sung cân đối	39.221	39.221	224.242	224.242	572%	572%
2	- Thu bổ sung có mục tiêu	246.841	246.841	3.000	3.000	1%	1%



Biểu số 105/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025			DỰ TOÁN NĂM 2026			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	50.683	2.340	48.343	316.536	69.440	247.096	625%	2968%	511%
	Trong đó	-								
1	Chi giáo dục	2.835	2.340	495	154.669	18.909	135.760	5456%	808%	27426%
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	-			2.700		2.700			
3	Chi quốc phòng	773		773	2.001		2.001	259%		259%
4	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	3.096		3.096	3.787		3.787	122%		122%
5	Chi y tế	192		192	7.703		7.703	4008%		4008%
6	Chi văn hóa, thông tin	560		560	12.842	9.972	2.870	2293%		513%
7	Chi phát thanh, truyền thanh	237		237	2.082	155	1.927	878%		813%
8	Chi thể dục thể thao	282		282	661		661	234%		234%
9	Chi bảo vệ môi trường	474		474	6.183		6.183	1304%		1304%
10	Chi các hoạt động kinh tế	9.658		9.658	33.285	25.851	7.434	345%		77%
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	29.373		29.373	36.480	787	35.693	124%		122%
12	Chi cho công tác xã hội	2.188		2.188	32.775		32.775	1498%		1498%
13	Chi khác	-			14.948	13.766	1.182			
14	Dự phòng ngân sách	1.014		1.014	6.420		6.420	633%		633%



Biểu số 106/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2026

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: triệu đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2026			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ		193.007	-	53.098	77.949	69.440	17.110	69.440	
1. Công trình hoàn thành đã quyết toán		25.214	-	23.984	19.707	4.277	4.277	4.277	
Xây dựng đường giao thông xóm Triệu Phúc và tuyến đường từ cầu gốc cây đa gù xóm Phương Đức đến Nhà thờ Triệu Thông, xã Hải Bắc, huyện Hải Hậu	2023-2024	6.868		6.623	6.158	464	464	464	
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Phương - Long (đoạn từ cầu Doanh Châu B7 đến cầu mức 1A)	2020-2021	4.967		4.743	4.628	115	115	115	
Cải tạo, nâng cấp đường bê tông xã Hải Bắc, huyện Hải Hậu (đoạn từ nhà ông Giáp đến trạm y tế xã Hải Bắc)	2023-2024	998		968	644	324	324	324	
Sân bóng nhân tạo trường Tiểu học thị trấn Yên Định	2023-2024	261		240		240	240	240	
Cải tạo, nâng cấp các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Hải Bắc, thị trấn Yên Định, huyện Hải Hậu	2024-2025	965		890		890	890	890	
Cải tạo nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ trường THCS Hải Bắc, thị trấn Yên Định, huyện Hải Hậu	2025	996		960		960	960	960	
Nhà 3 tầng 7 phòng học, phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học xã Hải Phương, huyện Hải Hậu	2019-2020	8.349		7.857	7.648	209	209	209	
Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Hải Bắc, thị trấn Yên Định, huyện Hải Hậu	2024-2025	996		951	629	322	322	322	
Cải tạo, nâng cấp trường THCS Hải Bắc, thị trấn Yên Định, huyện Hải Hậu	2024-2025	814		751		751	751	751	
2. Công trình hoàn thành chưa quyết toán		54.690	-	29.114	41.857	12.833	12.833	12.833	
Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục TDP số 1,4,6,7 thị trấn Yên Định, huyện Hải Hậu	2024-2025	9.993		9.107	9.107	886	886	886	

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2026			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Hải Trung - Hải Anh (đoạn từ nghĩa trang liệt sỹ xã Hải Trung đến giáp xã Hải Anh)	2025-2026	4.465		4.000	4.000	465	465	465	
Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục thị trấn Yên Định (đoạn từ huyện Đội đến công Trống)	2025-2026	4.499		2.000	2.000	2.499	2.499	2.499	
Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục xã Hải Trung (đoạn từ công Trống đến cầu Đông)	2025-2026	6.999		5.000	5.000	1.999	1.999	1.999	
Cải tạo, nâng cấp đường trục thị trấn Yên Định, huyện Hải Hậu (đoạn từ chợ nhà Xứ đến cầu TDP 8)	2025	9.942		7.989	7.989	1.953	1.953	1.953	
Xây dựng mới cầu TDP 10 thị trấn Yên Định	2025	956		500	500	456	456	456	
Xây dựng mới cầu TDP 11 thị trấn Yên Định	2025	993		518	518	475	475	475	
Cải tạo, nâng cấp trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Hải Hậu, tỉnh Ninh Bình	2025	1.987			1.200	787	787	787	
Xây dựng nhà 02 tầng - 8 phòng học và các hạng mục phụ trợ trường Mầm non xã Hải Trung, huyện Hải Hậu	2024-2025	9.997			9.243	754	754	754	
Cải tạo, nâng cấp trường THCS Hải Phương, xã Hải Hậu	2025	773			300	473	473	473	
Cải tạo, nâng cấp trường Mầm non Hải Long (khu A và khu B), xã Hải Hậu	2025	926			300	626	626	626	
Cải tạo trường Mầm non khu Triệu Thông Hải Bắc, xã Hải Hậu	2025	1.998			838	1.160	1.160	1.160	
Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Hải Trung (khu B), xã Hải Hậu	2025	344			200	144	144	144	
Sửa chữa, cung cấp, lắp đặt hệ thống Đài truyền thanh thông minh ứng dụng CNTT-VT xã Hải Hậu	2025	818			663	155	155	155	
3. Công trình chuyển tiếp		30.948	-	-	16.385	14.563	-	14.563	
Xây cầu My Điền xã Hải Trung, huyện Hải Hậu	2025-2026	9.990			7.777	2.213		2.213	
Xây dựng nhà 3 tầng 9 phòng học trường THCS Hải Phương, thị trấn Yên Định, huyện Hải Hậu	2025-2027	9.998			8.608	1.390		1.390	
Xây dựng hệ thống PCCC trường Mầm non xã Hải Trung, huyện Hải Hậu	2024-2026	988				988		988	
Khu tưởng niệm tử Tổ khai sáng và các liệt tổ tại khu trung tâm xã Hải Trung, huyện Hải Hậu	2025-2027	9.972				9.972		9.972	

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2026			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
4. Công trình khởi công mới		82.155	-	-	-	24.000	-	24.000	
Xây dựng nhà phục vụ học tập + hành chính quản trị và các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non Hải Trung xã Hải Hậu		12.900				5.000		5.000	
Xây dựng nhà 3 tầng 9 phòng học, nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ trường THCS Hải Phương, xã Hải Hậu		19.500				5.000		5.000	
Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Hải Hậu (đoạn từ cống An Lộc đến Nhà thờ xứ Triệu Thông)		18.000				5.000		5.000	
Cải tạo, nâng cấp đường kết nối đường Tây sông Múc đến đường Thương Bình Hải Trung, xã Hải Hậu		8.000				3.000		3.000	
Đo đạc bản đồ, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính xã Hải Hậu		23.755				6.000		6.000	
5. Số vốn còn lại chưa phân bổ						13.767		13.767	